

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề tình hình thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 - 2022

Thực hiện Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề: “Tình hình thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ năm 2018-2022”, Đoàn giám sát đã ban hành Kế hoạch số 43/KH-ĐGS ngày 14/4/2023 và triển khai giám sát tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Kết quả giám sát như sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

Căn cứ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ môi trường trong giai đoạn 2018-2022, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành trên 100 văn bản thuộc thẩm quyền để cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương⁽¹⁾. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh, các sở, ngành và địa phương đã ban hành và tham mưu ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đối với lĩnh vực môi trường, đa dạng sinh học; UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị liên quan đã tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các quy định của Trung ương và chỉ đạo của địa phương.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, điều hành và việc cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan để triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường cơ bản đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Các văn bản được xây dựng, ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định, phù hợp với pháp luật hiện hành và điều kiện cụ thể của tỉnh, đảm bảo tính thực thi; góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường từng bước đi vào nề nếp, tạo hành lang pháp lý cho công tác xây dựng, hoạch định và triển khai các kế hoạch trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường

Các ngành, các cấp đã tích cực phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội quán triệt, phổ biến các Nghị quyết, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường đến tận các thôn, bản và người dân, đặc biệt là sau khi Luật môi trường 2020 ban hành và có hiệu lực thi hành. Đã chủ động xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản để cụ thể hóa các quy định, đồng thời, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại địa phương.

Đã tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp, thiết thực; thu hút được nhiều đối tượng người

⁽¹⁾ Đã ban hành trên 05 Nghị quyết, 12 Quyết định, 11 Kế hoạch. 01 Chỉ thị và các Công văn, Thông báo,... để chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện.

dân tham gia⁽²⁾. Từ năm 2018 đến nay, có hơn 250 lượt với gần 35.000 người tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, hướng dẫn thực hiện về tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới. Nhờ đó, nhận thức của mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực, ý thức, trách nhiệm chấp hành về bảo vệ môi trường của người dân tăng lên, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ngày càng đi vào nề nếp, hiệu quả.

3. Về nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ môi trường

3.1. Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước, cơ quan chuyên môn ở các cấp, các ngành

Đã tích cực thực hiện sắp xếp, kiện toàn bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã theo chủ trương của Đảng, Nhà nước và các Bộ Ngành TW. Nhân sự phụ trách môi trường ở các sở, ngành cấp tỉnh, cấp huyện đã được sắp xếp lại đảm bảo cơ cấu, kiện toàn tổ chức theo quy định mới, theo hướng tinh gọn bộ máy⁽³⁾, bố trí đủ số lượng biên chế theo quy định. Ở cấp xã có bố trí 01 biên chế là công chức kiêm nhiệm, phụ trách lĩnh vực môi trường trên địa bàn cấp xã.

3.2. Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ

Đã quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, ngày càng được chuẩn hóa, nâng cao. Ngoài các yêu cầu về kiến thức chuyên môn, năng lực đáp ứng điều kiện tuyển dụng, bổ nhiệm; đội ngũ cán bộ quản lý môi trường ở các cấp đã tự giác và chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ công tác lâu dài như: học thêm cao học, tham gia các khóa bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn⁽⁴⁾,...

4. Về thực hiện quy định phân cấp, phân công phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Thực hiện nội dung này, UBND tỉnh đã có Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 ban hành Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn

⁽²⁾ Như: tổ chức tập huấn để phổ biến theo chuyên đề, tuyên truyền thông qua các cuộc hội thảo, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các bài viết trên trang Website, trên Báo Quảng Bình; qua đối thoại trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước trên mạng Internet, các phóng sự chuyên mục về bảo vệ môi trường của Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình,... Kết hợp với việc thu âm và phát đĩa CD về nội dung “Chung tay bảo vệ môi trường”, “Ngày toàn dân thu gom rác thải”, “Bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới”, “Ngày môi trường thế giới”, “Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn” phát trên loa phát thanh của xã, phường; phối hợp với các trường học tổ chức các hoạt động phát động phong trào chống rác thải nhựa, nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần thông qua hình thức thi hùng biện, vẽ tranh;...

⁽³⁾ Sở Tài nguyên và Môi trường đã giải thể 03 Chi cục thuộc Sở, giảm 08 phòng thuộc Chi cục; trong đó, đã giải thể Chi cục Bảo vệ Môi trường và thành lập Phòng Quản lý môi trường thuộc Sở với 07 công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường.

⁽⁴⁾ Từ năm 2018 đến nay đã tổ chức 04 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường cho 820 lượt công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực tài nguyên và môi trường cấp tỉnh đến cấp xã. Đồng thời, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan Trung ương tổ chức với khoảng 20 lượt/năm.

tỉnh Quảng Bình, trong đó phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh. Theo phân cấp quản lý quy định của Luật Bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

Việc phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc phối hợp giữa các cấp, các ngành ngày càng chặt chẽ. Đặc biệt là đã có sự phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội với các cấp, các ngành trong vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường, góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của tỉnh ngày càng thiết thực, hiệu quả. Điển hình như sự phối hợp trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vận động người dân tích cực tham gia thực hiện tiêu chí môi trường của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; thực hiện phân loại, thu gom tái chế, tái sử dụng rác thải, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa,...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý nhà nước

1.1. Thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường

Công tác tiếp nhận, kiểm soát, xử lý hồ sơ môi trường cơ bản đúng quy trình, thủ tục đảm bảo tiến độ quy định. Các ngành, các cấp đã có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong việc thực hiện quy trình thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư, đánh giá tác động môi trường, công nghệ, quy hoạch chi tiết, báo cáo nghiên cứu khả thi và các thủ tục khác về môi trường. Từ năm 2018-2022, đã tiếp nhận và xử lý hơn 1.401 thủ tục hành chính về môi trường⁽⁵⁾ đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xây dựng.

Trong quá trình thẩm định, các cơ quan chuyên môn đã tuân thủ chặt chẽ các quy trình thủ tục, đối chiếu sự phù hợp các quy định liên quan theo hình thức lồng ghép giữa các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường với một số Luật khác có liên quan như Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp, Luật Xây dựng.... Chất lượng thẩm định ngày càng nâng cao, thực sự là công cụ hiệu quả để lựa chọn, sàng lọc các dự án, công nghệ đảm bảo an toàn môi trường; tạo cơ sở pháp lý và kỹ thuật quan trọng về phòng ngừa ô nhiễm trong quá trình thực hiện, vận hành dự án.

1.2. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh

a) Về chất thải rắn

Trong kỳ giám sát, UBND tỉnh có quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 về điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đối tượng quy hoạch bao gồm các loại chất thải rắn đô thị, nông thôn, chất thải

⁽⁵⁾ Trong đó, đã thẩm định và tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt 370 báo cáo đánh giá tác động môi trường; 12 Giấy phép môi trường; 01 Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; 01 Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; 17 Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Ngoài ra, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã cấp hàng trăm Giấy phép môi trường, xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, Kế hoạch bảo vệ môi trường cho hơn 1.000 cơ sở, dự án trước khi vận hành, hoạt động.

rắn công nghiệp, y tế, xây dựng,... nhằm đạt các mục tiêu về phân loại rác tại nguồn, quy hoạch hệ thống thu gom, vận chuyển và xác định quy mô và phân bố hợp lý các khu xử lý chất thải rắn; đảm bảo phục vụ các đô thị, khu công nghiệp và các khu dân cư nông thôn; lựa chọn công nghệ thích hợp để xử lý, tái chế các loại chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại đảm bảo xử lý triệt để chất thải rắn, hạn chế chôn lấp theo yêu cầu vệ sinh môi trường.

Quá trình thực hiện, việc phân loại rác thải tại nguồn bước đầu mới được triển khai tại một số địa bàn ở đô thị. Phương tiện thu gom, vận chuyển cơ bản đáp ứng yêu cầu đưa rác thải đến các khu vực xử lý chôn lấp. Trên địa bàn tỉnh hiện có 07 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động⁽⁶⁾ và 01 Nhà máy phân loại xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ tại xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch. Các khu xử lý và bãi chôn lấp chất thải rắn trên địa bàn tỉnh cơ bản thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khu xử lý, bãi chôn lấp rác thải theo quy định.

Đối với các bãi chôn lấp chất thải rắn đã đầy, không còn khả năng tiếp nhận, xử lý hoặc các bãi chôn lấp chất thải rắn không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường đã được UBND tỉnh chỉ đạo đóng cửa hoàn toàn hoặc đóng cửa một phần và thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định⁽⁷⁾.

Đối với xử lý rác thải nguy hại lĩnh vực y tế: UBND tỉnh đã có Quyết định số 4437/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Theo đó, 07 bệnh viện đa khoa tuyến huyện⁽⁸⁾ chịu trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại cơ sở và các cơ sở y tế khác trên địa bàn huyện (xử lý theo cụm) theo công nghệ khử khuẩn, hấp ứot, cắt nhỏ bằng thiết bị được Bộ Y tế đầu tư; riêng Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba - Đồng Hới, từ năm 2017 đến nay hợp đồng với đơn vị xử lý chất thải ngoài tỉnh để vận chuyển, xử lý. Từ ngày 20/02/2023, việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường thực hiện theo Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của UBND tỉnh, về cơ bản đáp ứng yêu cầu quy định.

b) Về nước thải

Quy hoạch về hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới chỉ thực hiện tại địa bàn thành phố Đồng Hới và thị xã Ba Đồn. Các địa phương còn lại chỉ thực hiện quy hoạch theo khu vực, cụm dân cư, khu nhà ở thương mại, khu đô thị mới,... nhưng chưa có đầu nối và khu xử lý tập trung. Đến nay trên địa bàn tỉnh mới có một nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung cùng với hệ thống thu gom xử lý nước thải khá đồng bộ tại địa bàn thành phố Đồng Hới, các huyện, thị xã còn lại chưa có hệ

⁽⁶⁾ Gồm: Bãi rác huyện Lệ Thủy (xã Trường Thủy); Bãi rác huyện Quảng Ninh (xã Vĩnh Ninh); Bãi rác chung Đồng Hới - Bố Trạch (xã Lý Trạch); Bãi rác huyện Quảng Trạch (xã Quảng Tiến và Quảng Lưu); Bãi rác huyện Tuyên Hóa (thị trấn Đồng Lê); Bãi rác huyện Minh Hóa (xã Hồng Hóa); Bãi rác Cha Lo (xã Dân Hóa).

⁽⁷⁾ Các bãi rác đã đóng cửa hoàn toàn: Bãi xử lý rác thải sinh hoạt Cảnh Dương và Bãi xử lý rác thải sinh hoạt Cửa Trường, Tuyên Hoá; riêng Bãi xử lý rác thải sinh hoạt Thanh Trạch, Bố Trạch dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Các bãi rác đóng cửa 1 phần hiện đang hoạt động: Bãi xử lý rác thải sinh hoạt Minh Hoá; Bãi xử lý rác thải sinh hoạt Quảng Trạch; Bãi xử lý rác thải sinh hoạt Lệ Thủy.

⁽⁸⁾ Gồm Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới, Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh, Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thủy, Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình, Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa và Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hóa.

thống thu gom xử lý nước thải tập trung mà chủ yếu xử lý theo phương pháp tự thấm, tự chảy ra môi trường.

1.3. Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; thuê dịch vụ môi trường rừng

Theo quy hoạch 3 loại rừng, toàn tỉnh có 614.509,82 ha rừng, trong đó: 151.836,02 ha rừng phòng hộ, 318.362,97 ha rừng sản xuất, 151.836,02 ha rừng đặc dụng. Độ che phủ rừng năm 2022 đạt 68,69%.

Công tác quản lý, theo dõi diễn biến rừng được quan tâm, cập nhật kịp thời thông qua ứng dụng phần mềm quản lý; công tác phòng cháy chữa cháy rừng được chú trọng. Việc trồng rừng thay thế cơ bản duy trì ổn định độ che phủ cho phần diện tích rừng đã được chuyển đổi mục đích khác. Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng; trồng mới, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng được quan tâm đúng mức, từng bước nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển đa dạng sinh học, duy trì hệ sinh thái, nâng cao giá trị rừng⁽⁹⁾. Tổng số diện tích rừng cần xây dựng phương án quản lý rừng bền vững là 414.721,99 ha (bao gồm: 147.050,18 ha rừng đặc dụng; 128.015,06 ha rừng phòng hộ; 139.656,75 ha rừng sản xuất). Đến nay, đã xây dựng, thẩm định và phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững cho 167.191,40 ha rừng; số diện tích còn lại 247.530,59 ha chưa được xây dựng phương án.

Công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý, bảo vệ động vật hoang dã đã được quan tâm. Các cơ quan chức năng đã tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về săn, bắt, bẫy động vật hoang dã; việc kiểm tra, truy xuất nguồn gốc động vật rừng, xử lý các cơ sở kinh doanh, tụ điểm mua bán, sử dụng động vật hoang dã trái quy định được tăng cường.

Việc thực hiện cho thuê dịch vụ môi trường rừng để phát triển du lịch trên địa bàn thời gian qua đảm bảo quy định, đưa lại hiệu quả tích cực, chia sẻ lợi ích, giải quyết khó khăn cho các chủ rừng góp phần bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên thiên nhiên, sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

1.4. Quản lý việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản

Đến nay, tổng số Giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh hiện còn hiệu lực là 110 giấy phép, cấp cho 98 tổ chức (có 95 mỏ đang khai thác; 05 mỏ đang tạm dừng; 04 mỏ chưa khai thác; 06 mỏ đang thực hiện đóng cửa mỏ). Từ năm 2018 đến nay, có 10 mỏ thực hiện đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường theo quy định.

Việc cải tạo phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ trong hoạt động khoáng sản được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy định của pháp luật. Việc hoàn trả môi trường sau khi khai thác hết trữ lượng đã được các chủ mỏ san gạt mặt bằng, trồng cây xanh trên toàn bộ bề mặt theo đúng các nội dung được duyệt, đảm bảo yêu cầu thực hiện đóng cửa mỏ theo quy định.

2. Kết quả thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, nước thải

⁽⁹⁾ Thông qua các Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp, trồng rừng thay thế từ Quỹ bảo vệ phát triển rừng...

2.1. Về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn toàn tỉnh khoảng 514 tấn/ngày, trong đó: được thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường khoảng 409 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 79,5% vượt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu năm 2022 đạt 79%).

Toàn tỉnh có 126/151 xã, phường, thị trấn có mạng lưới thu gom, vận chuyển rác thải (đạt tỷ lệ trên 83,44%) theo các mô hình: đơn vị công ích hoặc các doanh nghiệp, tổ, đội⁽¹⁰⁾,... Hình thức xử lý chủ yếu là chôn lấp, được thực hiện tại 07 bãi rác trên địa bàn tỉnh và 01 nhà máy xử lý rác tại Lý Trạch. Riêng địa bàn xã Tiến Hóa và 6 thôn của xã Châu Hóa thuộc huyện Tuyên Hoá xử lý bằng công nghệ đốt. Một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn, dân cư thưa thớt, mạng lưới thu gom chưa được hình thành thì người dân tự thu gom và xử lý tại chỗ.

Đối với rác thải xây dựng, công nghiệp như: các loại phế liệu, phụ phẩm trong công nghiệp, bê tông thừa,... được các doanh nghiệp tự phân loại, thu gom, bố trí khu vực chứa và hợp đồng với các đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

Đối với rác thải y tế, sau khi phân loại tại cơ sở, các loại rác thải thông thường hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý. Đối với chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế công lập và tư nhân được thu gom, vận chuyển và xử lý theo từng cụm tại các Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện xử lý bằng phương pháp hấp, khử trùng kết hợp với cắt nhỏ sau đó được thu gom, xử lý với rác thải sinh hoạt hoặc thuê đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định. Chất lượng xử lý cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của ngành y tế.

Đối với chất thải nguy hại trong các lĩnh vực khác cơ bản được quản lý theo đúng quy trình quy định. Đa số các đơn vị có phát sinh chất thải nguy hại đã thực hiện thu gom, phân loại, bố trí khu vực lưu giữ và hợp đồng với các cơ sở được cấp phép ở ngoài tỉnh đưa đi xử lý.

2.2. Về thu gom, thoát nước và xử lý nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình: thành phố Đồng Hới đã có mạng lưới thu gom tại một số phường trung tâm (do chưa hoàn thiện) và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; khối lượng xử lý khoảng 7.800 m³/ngày đêm, tỷ lệ xử lý đạt 38,73% so với khối lượng phát sinh. Thị xã Ba Đồn đang triển khai dự án xây dựng mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung từ nguồn vốn vay Chính phủ Đan Mạch. Các địa bàn còn lại chưa có mạng lưới thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, các hộ gia đình, cá nhân tự xử lý tại chỗ.

Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất để xử lý trước khi thải ra môi trường.

⁽¹⁰⁾ Tại các huyện, thị xã do Ban quản lý các công trình công cộng hoặc các doanh nghiệp tư nhân và các tổ, đội tự quản vệ sinh môi trường thực hiện; tại thành phố Đồng Hới do Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình thực hiện.

2.3. Quản lý thực hiện các dự án đầu tư, khu dân cư tập trung; các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường

Các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ sở y tế và khu dân cư trên địa bàn tỉnh cơ bản tuân thủ và chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Đa số các doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án đầu tư đảm bảo các thủ tục liên quan công tác bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu trong quá trình triển khai, vận hành. Nhìn chung, ý thức bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ngày càng được nâng lên, góp phần duy trì và từng bước cải thiện chất lượng môi trường.

3. Về thực hiện khắc phục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các điểm ô nhiễm do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường trên địa bàn

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh có 22 cơ sở thuộc danh mục cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đến nay có 20 cơ sở đã hoàn thành việc xử lý, 01 cơ sở đang tiến hành xử lý (Bãi rác Thanh Trạch) dự kiến hoàn thành cuối năm 2023, còn 01 cơ sở (Chợ Ba Đồn) đang được xem xét tích hợp vào Dự án “Thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình”.

Đối với ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu theo Quyết định số 1946/QĐ-T-Tg của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh có 11 điểm ô nhiễm phải xử lý. Đến nay đã có 6/11 điểm đã hoàn thành việc xử lý, 04 điểm đang triển khai xử lý, 01 điểm còn lại chưa được bố trí kinh phí để xử lý⁽¹¹⁾.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã chủ động chỉ đạo điều tra, rà soát, lập danh mục bổ sung 68 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu còn lại trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 12 điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, 56 điểm gây ô nhiễm môi trường. Hiện đang chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực xử lý.

Trong thời gian từ 2018-2022, một số cơ sở chăn nuôi, sản xuất vật liệu xây dựng để xảy ra sự cố môi trường trở thành điểm nóng về môi trường⁽¹²⁾. UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát, tích cực giải quyết, xử lý, khắc phục để cải thiện môi trường. Đến nay, các cơ sở đã đầu tư, nâng cấp các hệ thống xử lý; các điểm nóng về ô nhiễm đã được kiểm soát. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nói trên cơ bản đảm bảo yêu cầu, người dân đã cơ bản đồng tình, không còn bức xúc.

4. Tình hình thu, nộp phí, lệ phí và quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường

⁽¹¹⁾ Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn Văn Bắc, xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn hiện chưa xử lý do thiếu kinh phí.

⁽¹²⁾ Trang trại Chăn nuôi bò thịt áp dụng công nghệ cao tại thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình của Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình; Nhà máy Xi măng Sông Gianh; 02 Nhà máy Xi măng của Công ty Cổ phần Cosevco; 01 Nhà máy Xi măng của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

4.1. Tình hình thu, nộp các loại phí, lệ phí liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường

Tổng thu phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trong kỳ báo cáo cáo (giai đoạn từ năm 2018 –2022) là 320.077 triệu đồng. Nhìn chung, việc thu, trích nộp và quản lý, sử dụng các loại phí liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường được triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành; các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cơ bản tuân thủ, chấp hành quy định về kê khai, nộp phí môi trường; ý thức trách nhiệm về kê khai, nộp phí của các đơn vị này ngày càng được nâng cao.

4.2. Về tình hình quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn hợp pháp khác về môi trường

a) Về phân bổ kinh phí

Trong giai đoạn 2018-2023, kinh phí từ ngân sách Trung ương phân bổ là 421.116 triệu đồng; nguồn ngân sách tỉnh là 923.930 triệu đồng, trong đó: phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 477.409 triệu đồng, giao cho cấp huyện: 446.521 triệu đồng.

Dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm được phân bổ dựa trên dự toán chi ngân sách được HĐND tỉnh thông qua, đảm bảo tỷ lệ quy định (*không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước*). Theo đó, đã thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường cao hơn dự toán Trung ương giao. Việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường căn cứ theo các tiêu chí quy định, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Các đơn vị được giao sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên và chi chuyên môn, nghiệp vụ về công tác bảo vệ môi trường đúng mục đích, hiệu quả.

b) Về quyết toán kinh phí

Số kinh phí giao hàng năm được các đơn vị quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng chế độ quy định hiện hành; nguồn kinh phí cơ bản được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo các nhiệm vụ chi liên quan đến môi trường.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm

Từ năm 2018 đến nay các cơ quan cấp tỉnh đã tiến hành 06 cuộc Thanh tra (trong đó, lồng ghép trong các cuộc thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường, khai thác khoáng sản hàng năm theo kế hoạch và đột xuất) và hơn 250 cuộc kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất và theo phản ánh của cơ quan, tổ chức, người dân.

Qua thanh tra, kiểm tra, các hành vi vi phạm đều được phát hiện⁽¹³⁾ và xử lý kịp thời, đúng hành vi, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền để xử lý, áp dụng đúng

⁽¹³⁾ Các hành vi vi phạm như: không thực hiện đúng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; không thông báo bằng văn bản đến cơ quan đã phê duyệt đánh giá tác động môi trường về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; thực hiện không đúng một trong các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập, phê duyệt kế hoạch quản lý môi trường không đầy đủ dẫn đến không có biện pháp xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố thải khói bụi không qua xử lý ra môi trường; chưa đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; chưa thực hiện chương trình quan trắc, giám sát chất lượng môi trường định kỳ; không kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất khi phát hiện sự cố môi trường; xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật và độ chất thải rắn ra môi trường;...

hình thức xử lý và đảm bảo về trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính. Kết quả đã xử phạt hơn 450 tổ chức, cá nhân và hộ gia đình với tổng số tiền hơn 4,5 tỷ đồng⁽¹⁴⁾, góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đi vào nề nếp, hiệu lực, hiệu quả.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Từ những nỗ lực của các cấp, các ngành, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo các cấp, các ngành; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến nay đã có nhiều chuyển biến tốt. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đã được quan tâm thực hiện dưới nhiều hình thức, hướng đến nhiều đối tượng, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từng bước phát huy. Tình hình vệ sinh môi trường đã có nhiều cải thiện, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, các khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật được giải quyết ngày càng cơ bản; tình trạng ô nhiễm môi trường được giảm thiểu, chất lượng môi trường cơ bản được giữ vững. Các chỉ tiêu về môi trường đô thị, nông thôn đều đạt kết quả tốt, tỷ lệ thu gom chất thải sinh hoạt tăng dần qua từng năm. Quản lý thoát nước, xử lý nước đã được triển khai, bước đầu có hiệu quả, đáp ứng một phần nhu cầu phát triển bền vững trên địa bàn. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh cơ bản tuân thủ và chấp hành tốt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong hoạt động bảo vệ môi trường, nhất là, công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra ngày càng chặt chẽ, đồng bộ; thực hiện các nội dung, nhiệm vụ quản lý về bảo vệ môi trường ngày càng đạt hiệu quả, từ công tác triển khai, thực hiện phòng ngừa, bảo vệ đến việc xử lý khắc phục ô nhiễm. Đa dạng sinh học, hệ sinh thái được bảo tồn và ngày càng phát huy. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 68,69%, đứng thứ 2 cả nước, góp phần nâng cao giá trị sử dụng rừng; cải thiện môi sinh, giữ gìn chất lượng môi trường đất, nước, không khí trong lành; góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tạo sinh kế, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

a) Về công tác quản lý nhà nước

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đã có nhiều cố gắng nhưng hiệu quả chưa cao; việc xây dựng và nhân rộng các mô hình tham gia bảo vệ môi trường của cộng đồng còn hạn chế. Việc tập huấn Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản liên quan chưa đáp ứng nhu cầu.

- Công tác triển khai thực hiện Quy hoạch đối với các khu xử lý chất thải nguy hại, chất thải xây dựng gặp nhiều khó khăn, thiếu nguồn lực đầu tư, vì vậy chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, việc bố trí và quản lý các điểm tập kết thu gom rác thải còn hạn chế.

(14) Sở TNMT 1,3 tỷ đồng với 100 vụ vi phạm; CA tỉnh 3,2 tỷ đồng với 365 vụ vi phạm.

- Cơ sở dữ liệu tổng thể về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh chưa được thiết lập đầy đủ, như: hiện trạng đa dạng sinh học, hệ sinh thái khu vực biển ven bờ; chưa xây dựng cơ sở dữ liệu số về môi trường.

- Trách nhiệm kiểm tra, giám sát, quản lý, chấn chỉnh vi phạm về thu gom chất thải rắn ở một số địa phương chưa được quan tâm thường xuyên, nhất là ở cấp xã. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường có lúc chưa được chặt chẽ, thiếu kịp thời.

- Nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp môi trường tuy đảm bảo định mức quy định nhưng vẫn còn quá ít so với nhu cầu thực tế; vẫn còn nhiều nội dung, nhiệm vụ chi rất cần thiết nhưng thiếu kinh phí để thực hiện⁽¹⁵⁾.

- Công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng còn bất cập, như: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng chồng lấn, không phù hợp với hiện trạng trên thực địa; tình trạng lấn chiếm rừng tự nhiên để trồng keo xảy ra ở một số nơi. Vẫn còn một số lượng lớn diện tích rừng tự nhiên chưa được xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững do thiếu kinh phí. Điều này gây không ít khó khăn cho các chủ rừng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với thực hiện các thủ tục hành chính ở một số nơi còn hạn chế, thiếu nghiên cứu thực tế dẫn đến cấp phép sai quy định phải thu hồi, đình chỉ dự án làm lãng phí tài chính của nhà đầu tư⁽¹⁶⁾.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, nắm bắt, phát hiện, xử lý vi phạm quy định pháp luật bảo vệ môi trường có lúc chưa chủ động, kịp thời. Một số vấn đề bức xúc đã được giải quyết nhưng chưa dứt điểm.

- Diện tích mặt nước (ao, hồ, ruộng) ở các khu vực đô thị bị thu hẹp dần, ảnh hưởng đến khả năng thoát nước mặt và gây ngập úng cục bộ. Các hồ chứa nước có dung tích nhỏ hoặc các dòng suối có chức năng cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất, điều hòa vẫn chưa được lập hành lang để quản lý, bảo vệ nên có nguy cơ bị xâm hại, lấn chiếm và gây ô nhiễm nguồn nước.

b) Về công tác phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn

- Công tác phân loại rác thải tại nguồn chưa được thực hiện rộng rãi, thiếu đồng bộ. Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển và hạ tầng xử lý rác thải chưa đáp ứng với yêu cầu về phân loại rác tại nguồn.

- Các địa bàn vùng sâu, vùng xa, dân cư phân tán, giao thông đi lại khó khăn, công tác thu gom vận chuyển chưa được thực hiện hoặc thực hiện hiệu quả thấp. Có nơi, người dân tự thu gom, xử lý bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp tự phát chưa đảm bảo vệ sinh môi trường⁽¹⁷⁾.

- Lượng rác thải chưa được thu gom, xử lý đảm bảo hợp vệ sinh vẫn còn lớn (105 tấn/ngày), tỷ lệ thu gom tại một số địa phương còn thấp. Tình trạng xả rác gây

⁽¹⁵⁾ Kinh phí đầu tư, mua sắm xe chuyên dùng thu gom rác thải sinh hoạt, các loại máy phục vụ việc xử lý rác chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; kinh phí xây dựng dữ liệu môi trường thiếu,...

⁽¹⁶⁾ Cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn tại Lê Thủy được UBND huyện cấp phép hoạt động trên đất rừng sản xuất, đã đầu tư từ 2013, chưa thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng và thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng. Sau khi rà soát lại đất đai thấy không đúng quy định đã đề nghị đơn vị đóng cửa.

⁽¹⁷⁾ Như: huyện Minh Hóa có 6 xã, huyện Tuyên Hóa có 6 xã, huyện Quảng Trạch có 02 xã, Quảng Ninh có 01 xã, Lê Thủy có 02 xã, Bố Trạch có 02 xã do dân tự thu gom, xử lý.

ô nhiễm khu vực công cộng vẫn còn xảy ra; một số khu vực tập kết rác thải tự phát gây mất mỹ quan, có nguy cơ ô nhiễm.

- Công tác thu hút đầu tư vào lĩnh vực môi trường, nhất là đầu tư các nhà máy xử lý rác thải hiệu quả thấp⁽¹⁸⁾; việc xã hội hóa các loại hình dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, như việc tổ chức thành lập các tổ, đội thu gom, vận chuyển, xử lý rác trong cộng đồng chưa phổ biến. Những nơi có tổ đội, doanh nghiệp thu gom, vận chuyển thì thực hiện chưa đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của một số cơ sở sản xuất chưa nghiêm túc, thực hiện không đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất theo quy định⁽¹⁹⁾; tình trạng gây ô nhiễm môi trường cục bộ vẫn còn xảy ra ở một số đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Việc xử lý triệt để rác thải xây dựng, rác thải công nghiệp còn khó khăn. Hạ tầng xử lý, tái chế đối với các loại chất thải này còn thiếu. Công tác thu gom, xử lý rác thải trong sản xuất nông nghiệp còn bất cập, bao, bì thuốc bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản sau sử dụng vẫn chưa được thu gom, xử lý triệt để theo đúng quy định. Chưa có phương án kinh phí để xử lý dứt điểm các điểm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật.

c) Về kết quả thu gom, xử lý nước thải

- Ngoài thành phố Đồng Hới, các địa phương khác chưa có lộ trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung theo quy định. Tỷ lệ thu gom nước thải tại thành phố Đồng Hới chuyển đến nơi xử lý còn quá thấp (38,73%). Hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa một số nơi đã được đầu tư nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, nhất là, những khu đô thị dân cư đã hoàn thành đưa vào sử dụng⁽²⁰⁾.

- Dự án thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn thi công chậm so với tiến độ đã được phê duyệt làm ảnh hưởng rất lớn đến việc thoát nước, xử lý nước thải đô thị Ba Đồn và các khu vực lân cận.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định Luật Bảo vệ môi trường.

- Vẫn còn một số cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện chưa nghiêm túc việc kiểm soát nước thải sau xử lý, xả thải vượt quy chuẩn gây ô nhiễm. Hệ thống xử lý nước thải tại một số cơ sở sản xuất chưa đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ quá tải⁽²¹⁾.

- Tình trạng ô nhiễm mùi, các loại chất thải xả ra môi trường hoặc xả trực tiếp xuống sông, cống rãnh thoát nước tại các điểm chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia

⁽¹⁸⁾ Dự án nhà máy xử lý rác tại xã Quảng Tiến của Công ty TNHH Môi trường xanh miền Trung; Dự án Nhà máy phân loại, xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ của Công ty TNHH dự án phát triển Việt Nam hiện đang gặp nhiều khó khăn chưa tháo gỡ được

⁽¹⁹⁾ Như: Công ty TNHH Thương mại Trường Sinh xả thải vượt quy chuẩn bị Công an tỉnh xử phạt 7 triệu đồng. Nhà máy sản xuất ván ép Thăng Long xả thải chưa qua xử lý ra môi trường bị Công an tỉnh xử phạt 78 triệu đồng. Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm của Công ty TNHH Nguyên Anh tại xã Quảng Xuân xả nước thải xử lý chưa đạt tiêu chuẩn ra môi trường, lấn chiếm đất công làm bãi chứa phế thải xây dựng; Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm và sản xuất gạch Tuynel của Công ty TNHH CIB tại xã Quảng Xuân xả nước thải xử lý chưa đạt tiêu chuẩn ra môi trường, khu vực tập kết sét nguyên liệu không có tường chắn làm tràn bùn bả ra môi trường khi mưa, bùn bả theo xe vận chuyển làm ô nhiễm đường giao thông,...

⁽²⁰⁾ Như Dự án Tây Hửu Nghị (do Sở Xây dựng làm CĐT); các dự án: Tạo quỹ đất khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, Tạo quỹ đất Khu dân cư Đức Sơn, phía Tây đường Nguyễn Đăng Giai, xã Đức Ninh, Tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, Bắc Nghĩa (do TT Phát triển quỹ đất thuộc Sở TNMT làm CĐT).

⁽²¹⁾ Như vụ tràn nước thải ra ngoài khuôn viên gây ô nhiễm các khu vực, diện tích xung quanh nhà máy Nguyên Anh, đã được Báo Môi trường và Đô thị phản ánh ngày 09/5.

cầm nhỏ lẻ nằm trong khu dân cư vẫn còn xảy ra. Một số hộ nuôi tôm xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải tại một số bệnh viện chưa đồng bộ, thường xuyên hư hỏng, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

d) Về công tác bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

- Việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ở một số nơi hiệu quả chưa cao; tình trạng cát bay, cát chảy vẫn còn xảy ra do khả năng phòng hộ của rừng ven biển bị thu hẹp dần. Tình trạng chặt phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, cháy rừng đã được hạn chế, đẩy lùi nhưng vẫn chưa ngăn chặn triệt để, tiềm ẩn tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Chất lượng rừng trồng phục hồi môi trường ở một số nơi chưa đảm bảo so với ban đầu; khả năng phòng hộ lâu dài của loài cây trồng phục hồi môi trường chưa cao, chưa phù hợp.

- Việc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững gặp khó khăn, chậm so với quy định. Một số diện tích rừng phòng hộ giao về cho địa phương (cấp xã) quản lý nhưng không giao kinh phí; khó khăn trong việc quản lý bảo vệ và xác định chủ rừng để thực hiện xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững và cho thuê dịch vụ môi trường rừng.

- Công tác giao đất, giao rừng cho hộ gia đình vẫn còn một số vướng mắc về bàn giao hiện trạng rừng. Một số diện tích rừng tự nhiên giao cho dân quản lý, bảo vệ nhưng không được nhận tiền giao khoán, chưa được hưởng lợi từ khai thác giá trị của rừng ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

- Lực lượng bảo vệ trực tiếp của các chủ rừng còn quá mỏng, điều kiện làm việc khó khăn, các chế độ, chính sách quá thấp; chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho chủ rừng là hộ gia đình trong việc quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong giai đoạn nhà nước thực hiện chính sách đóng cửa rừng; đặc biệt là đối với các diện tích ngoài vùng có các chương trình, dự án hỗ trợ.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Một số cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về bảo vệ môi trường thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Một số quy định của Luật đã có hiệu lực nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể của các bộ, ngành. Một số nội dung chưa được pháp luật quy định để có cơ sở áp dụng thực hiện nên triển khai còn lúng túng.

- Ý thức của người dân tại các khu vực nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa chưa hoàn toàn thích hợp và quen theo nếp sống mới nên việc tự giác nộp phí và thực hiện trách nhiệm phân loại, thu gom rác thải còn hạn chế.

- Là địa phương thường bị ảnh hưởng thiên tai, bão, lũ, nhất là hậu quả dịch Covid-19 và lụt lịch sử năm 2020 tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân, trong đó có công tác bảo vệ môi trường.

- Xu thế chung về phát triển kinh tế- xã hội, thu hút đầu tư kéo theo sự gia tăng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế,... cùng với công nghệ kèm theo làm tăng lượng chất thải và các thủ tục liên quan làm tăng áp lực đến công tác bảo vệ môi trường.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, số lượng định biên theo quy định mới quá ít, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Một số cấp ủy chính quyền địa phương chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật.

- Nguồn thu ngân sách tỉnh thấp, trong khi phải đảm bảo nhiều mục tiêu quan trọng, cấp bách cho phát triển kinh tế - xã hội nên việc cân đối, dành nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

- Việc triển khai thực hiện Quy hoạch quản lý chất thải rắn còn gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực cho đầu tư phát triển lĩnh vực môi trường còn hạn chế; ngân sách phân bổ để thực hiện các nội dung theo quy hoạch chưa đảm bảo; chưa huy động được nguồn lực xã hội hóa cho công tác xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải rắn xây dựng và chất thải rắn nguy hại.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích công tác thu gom, xử lý rác thải, nước thải chưa đủ mạnh để thu hút nhà đầu tư nên hiệu quả công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường chưa cao, chưa có mô hình hiệu quả trong việc thu gom, xử lý rác thải ở các vùng khó khăn. Mặt khác, một số dự án đã có kế hoạch hoặc đã triển khai nhưng do điều kiện của nhà đầu tư thiếu năng lực, khả năng tài chính hạn chế nên dự án chậm tiến độ, thiếu khả thi⁽²²⁾.

- Nhận thức về bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm, tính tự giác của một bộ phận người dân và doanh nghiệp còn hạn chế, chưa chủ động trong thu gom, xử lý rác thải; vẫn còn tình trạng chạy theo lợi ích kinh tế, chưa chú trọng đầu tư trang thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

- Nhu cầu phát triển kinh tế cùng với tốc độ đô thị hóa nhanh làm tăng mật độ xây dựng nên khoảng xanh trong các khu đô thị, các diện tích cao hồ, mặt nước, diện tích rừng phòng hộ ven biển bị thu hẹp dần.

- Việc thực hiện công tác hậu kiểm đối với các tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức, có phần còn hạn chế.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Với Chính phủ và bộ, ngành liên quan

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan ban hành văn bản hướng dẫn về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại khoản 2 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; hướng dẫn xây dựng phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn; xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng theo quy định Luật Bảo vệ môi trường.

- Đề nghị các bộ liên quan nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện xã hội hóa về xử lý chất thải rắn, tái chế chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn y tế, rác thải sinh hoạt.

⁽²²⁾ Dự án Nhà máy phân loại, xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ của Công ty TNHH dự án phát triển Việt Nam; Dự án nhà máy xử lý rác tại xã Quảng Tiến của Công ty TNHH Môi trường xanh miền Trung; Dự án Thoát nước và VSMT Thị xã Ba Đồn...

- Đề nghị tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho tỉnh để xử lý các vấn đề môi trường bức xúc, các khu vực ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu; thực hiện các hoạt động quản lý tổng hợp chất thải rắn; hỗ trợ vốn để xây dựng, chuyển đổi công nghệ xử lý thay thế chôn lấp; kịp thời hướng dẫn thực hiện việc quản lý chất thải, phế liệu và các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến lĩnh vực quản lý chất thải.

- Đề nghị các bộ, ngành liên quan hướng dẫn xây dựng kế hoạch về thực hiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng để tiếp nhận, xử lý rác thải sau khi được phân loại tại nguồn; hỗ trợ phát triển công nghiệp sản xuất sản phẩm thân thiện thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần đảm bảo tiện ích, phù hợp an toàn môi trường.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các cấp, các ngành nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản có liên quan đảm bảo hiệu quả nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường. Đặc biệt đối với bảo vệ môi trường biển, ven biển; hạn chế đến mức tối đa rác thải nhựa, túi nilon...thải ra môi trường.

- Chỉ đạo rà soát, triển khai các quy hoạch khu xử lý rác thải công nghiệp, rác thải xây dựng, các điểm tập kết rác thải trong khu dân cư, quy hoạch cơ sở giết mổ tập trung để bổ sung, điều chỉnh phù hợp với các quy hoạch liên quan và điều kiện cụ thể của từng địa phương; có quy định cụ thể về thời gian tập kết rác thải và phương pháp thu gom, vận chuyển đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Rà soát thực trạng các làng nghề trên địa bàn tỉnh để xem xét nhu cầu lập quy hoạch khu vực sản xuất tập trung; chỉ đạo hỗ trợ các thủ tục đất đai, đầu tư, nguồn vốn và đẩy nhanh việc thẩm định, trình phê duyệt Quy hoạch làng nghề Tân An xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch.

- Quan tâm, xem xét hỗ trợ kinh phí, hướng dẫn việc mua sắm phương tiện chuyên dụng để thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải tại các huyện; đặc biệt là đối với một số huyện đang rất bất cập như Quảng Trạch, Tuyên Hoá...

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, đưa giá thu gom xử lý chất thải vào giá dịch vụ khám chữa bệnh nội trú tại bệnh viện để đảm bảo nguồn kinh phí tự chủ cho các bệnh viện thực hiện công tác bảo vệ môi trường. Sớm ban hành phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý các loại rác thải đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của từng địa phương, theo đặc thù từng khu vực.

- Hỗ trợ kinh phí và chỉ đạo các chủ rừng hoàn thiện việc xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững đối với diện tích rừng còn lại. Có cơ chế, chính sách động viên, khuyến khích, nâng cao trách nhiệm của lực lượng bảo vệ rừng trực tiếp.

- Quan tâm đầu tư, khắc phục hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải trong các khu dân cư; xúc tiến, kêu gọi nhà đầu tư hoặc ưu tiên nguồn vốn đầu tư hạ tầng xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp.

- Tiếp tục đầu tư mở rộng, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung trên địa bàn thành phố Đồng Hới; có giải pháp tích cực để đẩy nhanh tiến độ dự án thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị Ba Đồn sớm hoàn thành, đi vào hoạt động tránh lãng phí nguồn lực đã đầu tư.

- Tập trung hoàn thành việc đóng cửa bãi rác Phong Nha và bãi rác Thanh Trạch, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xử lý điếm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật.

- Tích cực kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án về xử lý môi trường, phát triển công nghệ môi trường, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thân thiện với môi trường. Khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường bằng các chính sách phù hợp để mời gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo việc rà soát, xem xét đối với Dự án nhà máy xử lý rác tại xã Quảng Tiến của Công ty TNHH Môi trường xanh miền Trung để đẩy nhanh tiến độ, trường hợp nhà đầu tư không đủ năng lực thì thu hồi dự án, kêu gọi nhà đầu tư khác. Đôn đốc Công ty TNHH dự án phát triển Việt Nam sớm thực hiện hoàn thành, vận hành toàn bộ các dây chuyền của Nhà máy phân loại, xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón khoáng hữu cơ.

- Quan tâm công tác duy trì, bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển và ven biển. Nghiên cứu thành lập khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản tại Quảng Đông, Vũng Chùa Đảo Yến.

- Xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng về đánh giá tác động môi trường đối với việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án tại các khu vực đầu nguồn các sông suối, hồ chứa nước phục vụ sinh hoạt của người dân. Hạn chế việc chuyển hệ sinh thái rừng có khả năng phòng hộ ven biển sang sử dụng mục đích khác.

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực bảo vệ môi trường ở các cấp. Chỉ đạo bố trí đủ công chức có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường.

- Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh, cần quan tâm công tác duy trì và phát triển hệ sinh thái rừng có khả năng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn; tạo nhiều khoảng xanh trong quy hoạch phát triển đô thị. Hạn chế việc san lấp, lấn chiếm mặt nước, ao hồ trong các khu dân cư, khu đô thị, các dự án nhà ở thương mại; đảm bảo khả năng thoát nước mặt, phòng chống ngập úng cục bộ và khả năng thoát lũ trên diện rộng. Nghiên cứu phát triển các khu đô thị mới theo hướng cân bằng sinh thái, giữ nguyên hiện trạng rừng trong các khu đô thị (nếu có); bổ sung thêm các hồ điều hoà để hỗ trợ các chức năng bảo vệ môi trường.

3. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Quản lý có hiệu quả hệ thống tiếp nhận và truyền số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục, kịp thời xử lý khi có sự cố về ô nhiễm môi trường. Tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo kết quả quan trắc hàng năm theo quy định tại khoản 6 Điều 109 Luật Bảo vệ môi trường.

- Triển khai thực hiện điều tra, đánh giá hiện trạng tài nguyên đa dạng sinh học và môi trường sinh thái khu vực ven biển; điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu số môi trường cấp tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, bố trí đủ quỹ đất thực hiện các dự án: Xây dựng nhà máy phân loại và tái chế CTR xây dựng kết hợp bãi chôn lấp CTR

xây dựng tại xã Lộc Ninh, Khu xử lý rác thải nguy hại tại bãi rác chung Đồng Hới - Bố Trạch; hướng dẫn thực hiện công tác quản lý chất thải rắn xây dựng, công nghiệp đảm bảo theo quy định.

- Phối hợp Sở Tài chính rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng phương án giá dịch vụ thu gom, xử lý rác thải để ban hành đơn giá phù hợp với các nhiệm vụ.

- Phối hợp với các ngành chức năng, Công an tỉnh và chính quyền địa phương tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở chăn nuôi, chế biến thủy sản, kể cả tình trạng khai thác trái phép cát lòng sông gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng hành lang an toàn giao thông đường thủy. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm không để tái diễn.

3.2. Sở Xây dựng

- Tham mưu cấp thẩm quyền rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch khu vực lưu chứa, xử lý chất thải rắn xây dựng, công nghiệp; hướng dẫn địa phương bố trí điểm tập kết rác thải trong các khu đô thị và điểm dân cư nông thôn đảm bảo vệ sinh môi trường, phù hợp với thực tế và các quy hoạch liên quan.

- Tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng thẩm định dự án đầu tư; phối hợp với cơ quan, địa phương liên quan quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy hoạch xây dựng, nhất là đối với hạ tầng kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải các dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị mới, khu vực phát triển quỹ đất ở theo thẩm quyền.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thu gom, xử lý chất thải xây dựng phát sinh từ các công trình xây dựng, đảm bảo không để xảy ra tình trạng đổ thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

3.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí về môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Tích cực kiểm soát, khuyến cáo và hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn môi trường. Phối hợp với cơ quan, địa phương quản lý, giám sát việc nhập, mua, bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, kết hợp với việc thu hồi bao, bì sau khi sử dụng.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện rà soát, xử lý việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng chông lán, không đúng hiện trạng trên thực địa trong quá trình giao cho hộ gia đình quản lý, bảo vệ rừng.

- Tích cực tham mưu cho UBND tỉnh sớm trình HĐND tỉnh ban hành quy định khu vực không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi để khắc phục tình trạng chăn nuôi nhỏ, lẻ gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư. Tăng cường công tác hậu kiểm đối với các tổ chức, cá nhân đã được cấp phép về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý.

3.4. Sở Y tế

- Hướng dẫn, chỉ đạo các các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền thực hiện tốt công tác phân loại, thu gom, xử lý rác thải y tế đảm bảo quy định; quản lý rác thải y tế nguy hại lý đúng quy trình quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất phương án đưa giá thu gom xử lý chất thải vào giá dịch vụ khám chữa bệnh nội trú tại bệnh viện.

- Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng các hệ thống xử lý rác thải, nước thải y tế để kịp thời khắc phục sự cố, hư hỏng, đảm bảo khả năng vận hành, đáp ứng chất lượng xử lý theo yêu cầu. Rà soát lại hệ thống xử lý nước thải tại các bệnh viện để bố trí kinh phí đầu tư hệ thống đồng bộ, đảm bảo quy chuẩn.

3.5. Sở Công Thương

Nghiên cứu, tham mưu kiến nghị Chính phủ, Bộ Công Thương ban hành các cơ chế, chính sách về giá điện rác và hướng dẫn áp dụng các cơ chế, chính sách hiệu quả, phát huy dự án đã triển khai.

3.6. Sở Tài chính

- Tiếp tục rà soát tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ các huyện mua sắm phương tiện, thiết bị vận chuyển, xử lý rác thải; ban hành phương án giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế; nghiên cứu, đề xuất lộ trình tăng dần giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nhằm giảm dần hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Tham mưu phương án tính đúng tỉnh đủ, đưa giá thu gom xử lý chất thải vào giá dịch vụ khám chữa bệnh nội trú tại bệnh viện để đảm bảo nguồn kinh phí tự chủ cho các bệnh viện thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

3.7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Nâng cao chất lượng thẩm định các dự án đầu tư có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường, thoát nước, xử lý nước thải. Nghiên cứu, cập nhật điều chỉnh bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng đổi mới công nghệ thân thiện môi trường.

- Tham mưu UBND tỉnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; ưu tiên thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

3.8. Công an tỉnh

Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ sở chăn nuôi, chế biến, nuôi trồng thủy, hải sản và tình trạng khai thác trái phép cát lòng sông; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, công bố thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để răn đe hành vi vi phạm, hạn chế tái diễn.

3.9. Ban Quản lý khu kinh tế

- Triển khai, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đến các doanh nghiệp đang hoạt động trong phạm vi quản lý; kiểm soát xả chất thải đúng quy định. Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở sản xuất trong các khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ theo quy định; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các cơ sở sản xuất có hành vi xả thải không đúng quy định.

- Tích cực tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp về nguồn lực đầu tư và quy hoạch để đầu tư hạ tầng xử lý nước thải tập trung tại các khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tích cực tuyên truyền vận động người dân thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; tự giác thu gom bao, bì thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón để hạn chế ô nhiễm.

- Rà soát, bố trí cán bộ có đủ năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực môi trường; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường; giải quyết dứt điểm các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo thẩm quyền.

- Chỉ đạo các Ban quản lý các công trình công cộng, doanh nghiệp, tổ, đội vệ sinh môi trường trên địa bàn tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, không để rác thải phát sinh, tồn đọng tại các khu vực công cộng.

- Hỗ trợ các xã, phường, thị trấn mua sắm phương tiện, thiết bị phục vụ thu gom xử lý rác đảm bảo môi trường; hỗ trợ trong công tác quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải phát sinh trên địa bàn đúng quy định.

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan và UBND cấp xã rà soát, kiểm tra thực địa cụ thể để xác định lại ranh giới, vị trí, diện tích rừng bị chùng lún hoặc không đúng hiện trạng, hồ sơ chưa hợp lệ làm cơ sở đề xuất điều chỉnh hồ sơ quản lý đất, rừng đảm bảo phù hợp với quy định và đúng thực tế.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, bố trí các điểm tập kết rác thải sinh hoạt phù hợp với địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường; lãnh đạo các thôn, bản, tổ dân phố xây dựng Hương ước quy định các nội dung về công tác bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tế từng địa bàn.

Trên đây là kết quả giám sát tình hình thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ năm 2018-2022, Đoàn giám sát báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các sở, ngành thuộc đối tượng giám sát;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

Nguyễn Công Huân